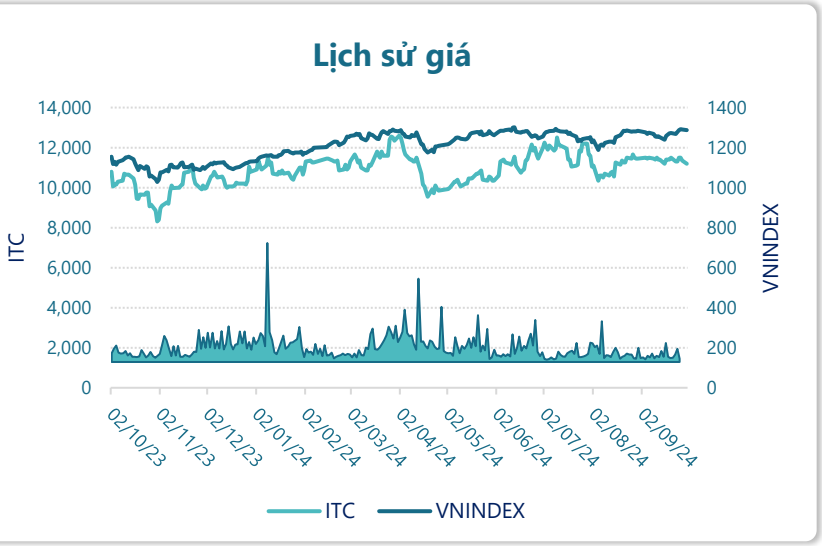
CTCP Đầu tư - Kinh doanh Nhà (HSX: ITC)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,310
SL cổ phiếu LH	95,935,049
KLGD BQ 20 phiên (CP)	319,790
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,074
P/E	14.5
EPS	775

DT thuần

Q3/24

135

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00| 0.5%

YoY: ▲ 1.00| 0.5%

LN sau thuế

Q3/24

6.12

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.70| 38.4%

YoY: ▼0.72| -10.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

21.9%

+/- YoY: ▼ 2.6%

DT thuần

9T 2024

404

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.00| -0.5%

LN sau thuế

9T 2024

21.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.00| -8.8%

ROE

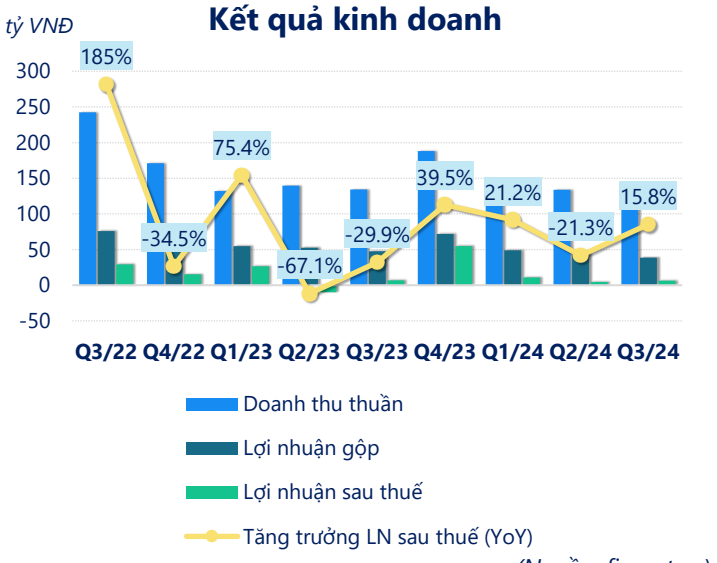
Q3/24

3.3%

+/- YoY: ▲ 1.6%

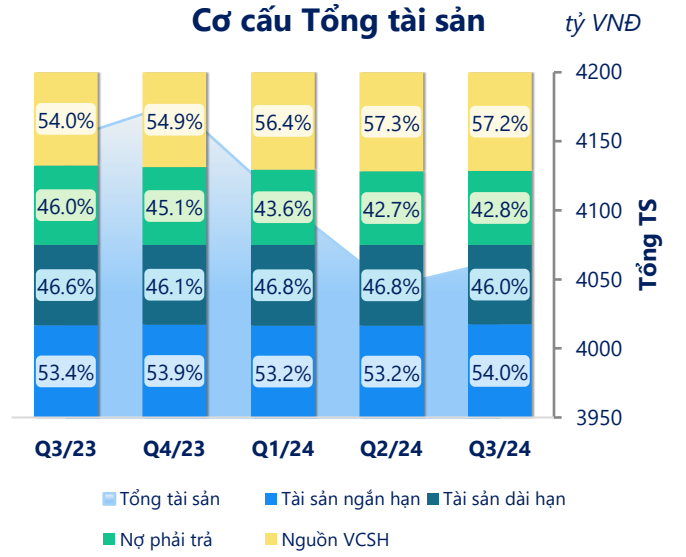
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



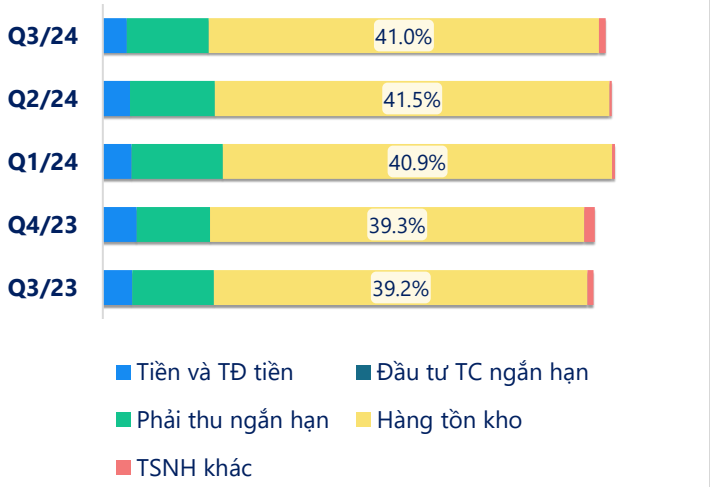
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



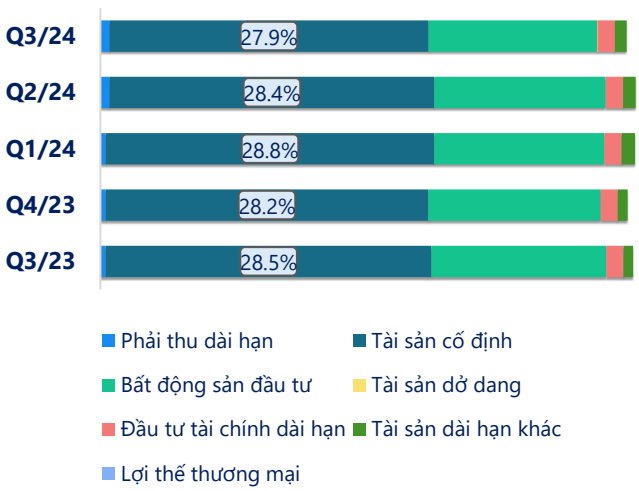
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



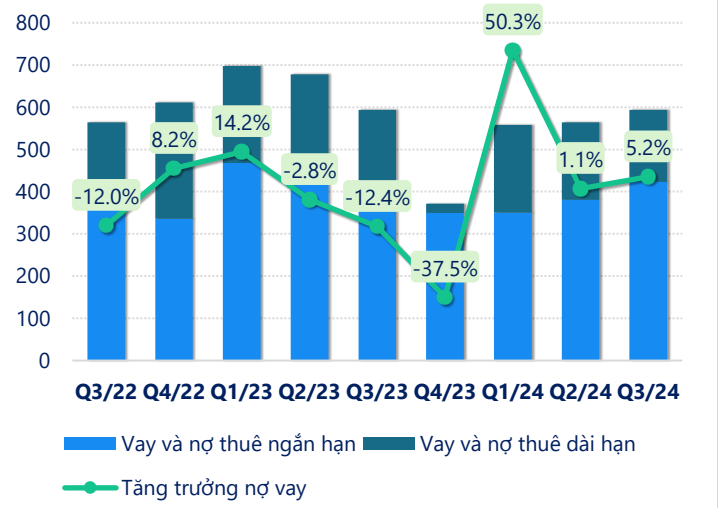
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



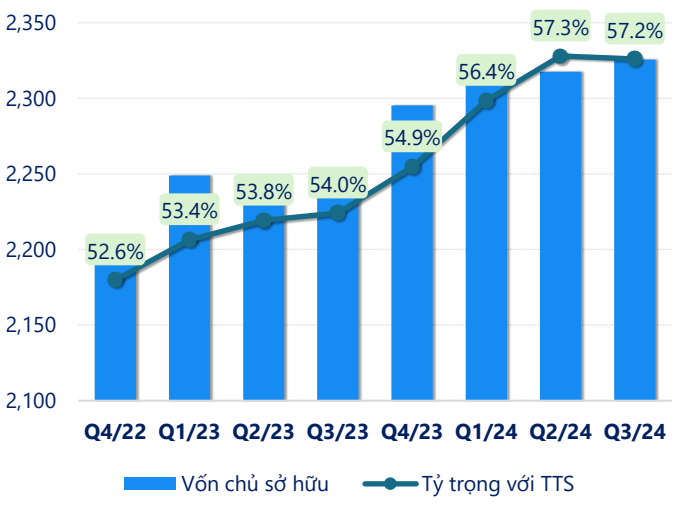
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



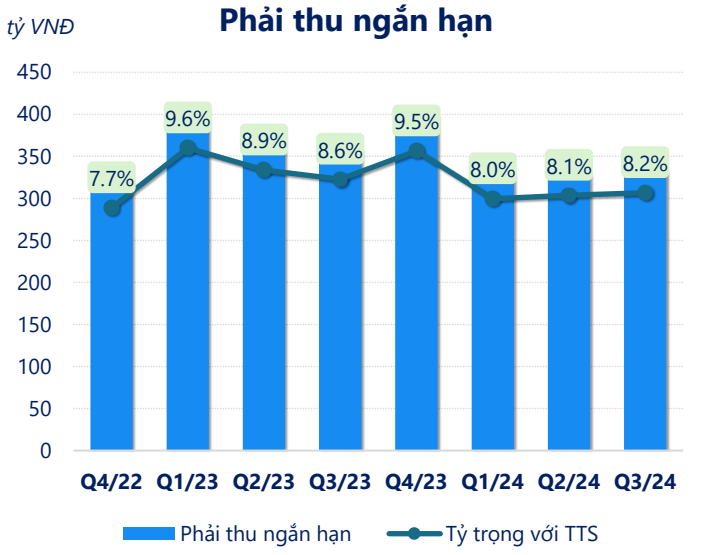
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



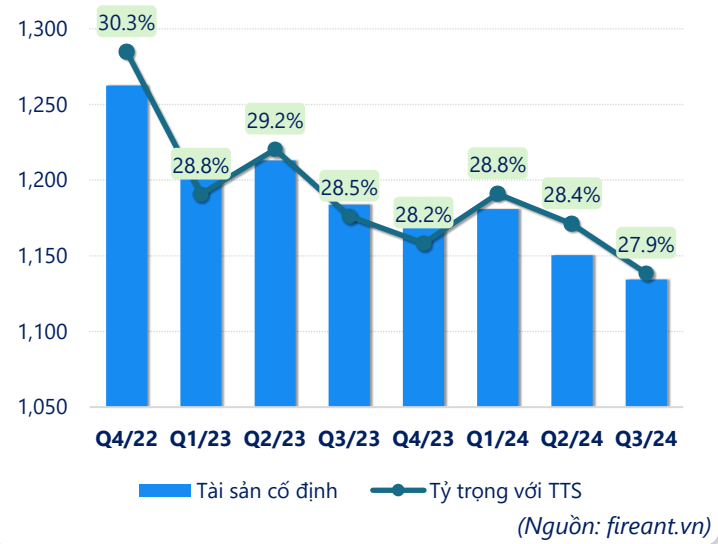
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



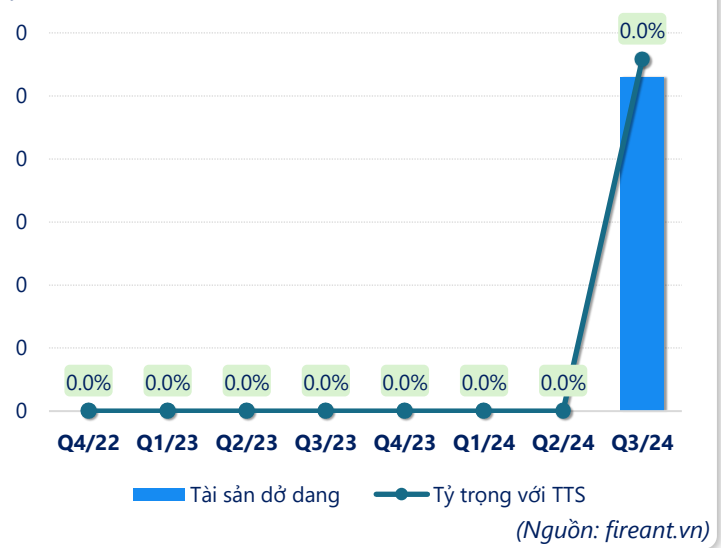
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



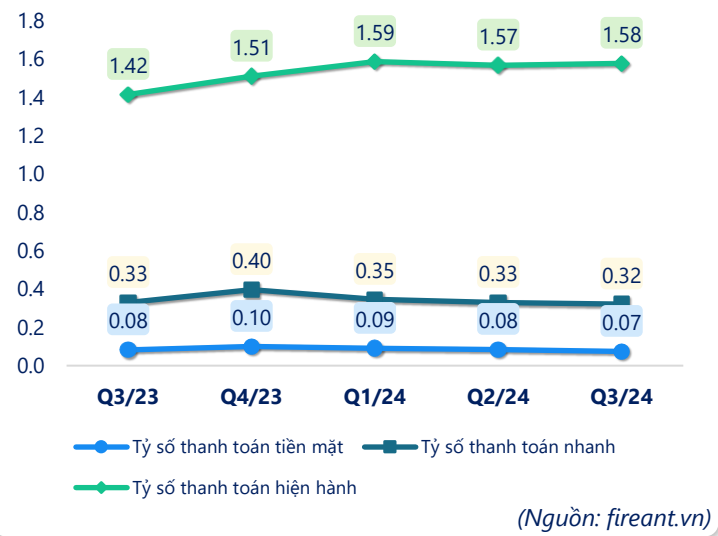
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



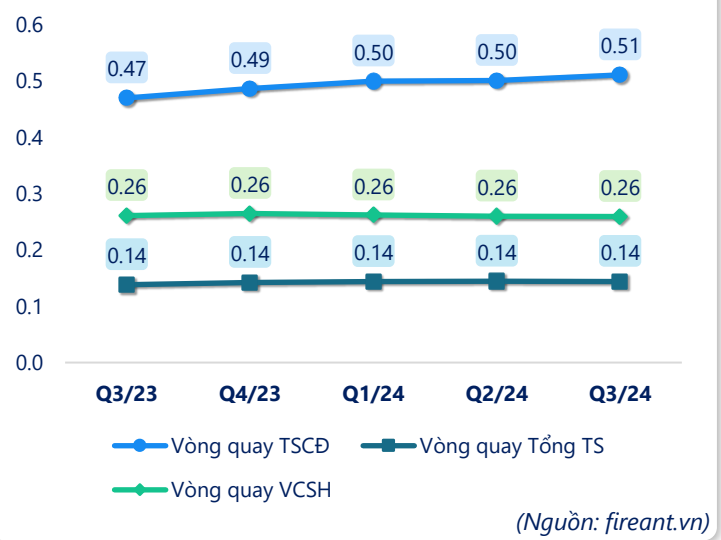
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**4,151**	**4,177**	**4,107**	**4,045**	**4,064**
Tài sản ngắn hạn	**2,216**	**2,250**	**2,186**	**2,150**	**2,193**
Tiền và tương đương tiền	129	149	124	116	103
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	357	397	328	328	332
Hàng tồn kho	1,700	1,659	1,710	1,698	1,747
Tài sản ngắn hạn khác	29.5	44.6	24.0	8.92	11.1
Tài sản dài hạn	**1,935**	**1,927**	**1,921**	**1,895**	**1,871**
Phải thu dài hạn	18.9	18.9	18.9	31.9	31.9
Tài sản cố định	1,184	1,179	1,181	1,150	1,134
Bất động sản đầu tư	634	630	610	605	601
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0.03
Đầu tư tài chính dài hạn	62.8	62.8	62.4	62.4	61.9
Tài sản dài hạn khác	35.5	36.3	48.1	44.8	41.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,911**	**1,882**	**1,792**	**1,727**	**1,738**
Nợ ngắn hạn	**1,566**	**1,490**	**1,378**	**1,371**	**1,390**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	423	350	350	381	423
Phải trả người bán ngắn hạn	83.2	64.1	102	117	116
Nợ dài hạn	345	392	415	356	348
Vay và nợ thuê dài hạn	171	21.7	208	184	171
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,241**	**2,295**	**2,314**	**2,318**	**2,326**
Vốn chủ sở hữu	**2,241**	**2,295**	**2,314**	**2,318**	**2,326**
Vốn điều lệ	964	964	964	964	964
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)